

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG QUỐC TRẠNG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG QUỐC TRẠNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: CTY TNHH MTV XÂY DỰNG QUỐC TRẠNG

**2. Mã số doanh nghiệp:** 1602105516

**3. Ngày thành lập:** 17/07/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 27, Tổ 2, Ấp Tân Phú, Xã Tân Mỹ, Huyện Chợ Mới, Tỉnh An Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0344.372379

Fax:

Email: [nguyentrang.26011991@gmail.com](mailto:nguyentrang.26011991@gmail.com). Website: [com](http://com)

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4101        |
| 2.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4102        |
| 3.  | Xây dựng công trình đường bộ<br>Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông, cầu đường, cống.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4212        |
| 4.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4299        |
| 5.  | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4291(Chính) |
| 6.  | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4293        |
| 7.  | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4229        |
| 8.  | Chuẩn bị mặt bằng<br>Chi tiết: San lấp mặt bằng.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4312        |
| 9.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4390        |
| 10. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4330        |
| 11. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Thiết kế kết cấu công trình dân dụng đến cấp 3, thủy lợi, đường nông thôn, hạ tầng kỹ thuật khu dân cư.<br>Chi tiết: Khảo sát địa hình trong phạm vi dự án đầu tư xây dựng công trình.<br>Chi tiết: Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình thủy lợi, dân dụng, hạ tầng kỹ thuật khu dân cư.<br>Chi tiết: Lập báo cáo đầu tư, báo cáo xây dựng.<br>Chi tiết: Thẩm tra thiết kế, dự toán công trình xây dựng.<br>Chi tiết: Thực hiện các hoạt động có liên quan đến nghiệp vụ đấu thầu.<br>Chi tiết: Lập hồ sơ chứng nhận sự phù hợp chất lượng công trình xây dựng. | 7110        |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: NGUYỄN QUỐC TRẠNG

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 26/01/1991

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 352215039

Ngày cấp: 19/04/2019

Nơi cấp: Công an tỉnh An Giang

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 27, Tổ 2, Ấp Tân Phú, Xã Tân Mỹ, Huyện Chợ Mới, Tỉnh An Giang, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 27, Tổ 2, Ấp Tân Phú, Xã Tân Mỹ, Huyện Chợ Mới, Tỉnh An Giang, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN QUỐC TRẠNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 26/01/1991

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 352215039

Ngày cấp: 19/04/2019

Nơi cấp: Công an tỉnh An Giang

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 27, Tổ 2, Ấp Tân Phú, Xã Tân Mỹ, Huyện Chợ Mới, Tỉnh An Giang, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 27, Tổ 2, Ấp Tân Phú, Xã Tân Mỹ, Huyện Chợ Mới, Tỉnh An Giang, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh An Giang